

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/5/2024.

V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hữu

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Xoa

Ông Nguyễn Tấn Ảnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 159/QĐ-ST ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Lê Thị T.** Sinh năm: 1983. Địa chỉ: 89 H, phường H, quận H, thành phố Đ. Có mặt.

Bị đơn: **Ông Đặng Ngọc P,** sinh năm 1980. Địa chỉ: 89 H, phường H, quận H, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Lê Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Ngọc P đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông P không chăm lo cho cuộc sống của vợ và các con, hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, ảnh hưởng đến đời sống,

học hành của các con. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa bà và ông P không thể hàn gắn, nếu kéo dài cuộc sống hôn nhân cũng không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Bà và ông Đặng Ngọc P có 02 con chung là Đặng Ngọc K, sinh ngày 22.10.2008 và Đặng Ngọc Thảo T, sinh ngày 22.11.2015. Ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi không.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 18.01.2024 ông Đặng Ngọc P trình bày:

Ông và bà Lê Thị T kết hôn 2006, năm 2008 thì có một con chung là cháu Đặng Ngọc K thì xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly hôn lần đầu, năm 2014 thì quay về sống chung để nuôi con và đăng ký kết hôn lại, sinh con thứ hai. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hai vợ chồng sống ly thân hơn một năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T xin ly hôn ông không đồng ý vì con còn nhỏ, khi nào con trưởng thành thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là: Đặng Ngọc K, sinh ngày 22.10.2008; Đặng Ngọc Thảo T, sinh ngày 22.11.2015. Hiện nay 02 con đang sống cùng bà T. Vì ông không đồng ý ly hôn nên về con cái cả hai vợ chồng đều có nghĩa vụ chung trong việc chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông có tài sản chung là quán kinh doanh ăn uống (bê thui) tại số 83 T đã 10 năm nay, về mặt bằng do vợ chồng ông thuê lại của bà Trần Thị Hồng T, địa chỉ ở Q (không rõ địa chỉ). Nếu ly hôn thì tài sản trên chia đôi, sẽ không thể kinh doanh được để nuôi con. Giá trị tài sản khoảng 100 triệu đồng lại.

Về nợ chung: Vợ chồng ông không có nợ chung.

Tại phiên tòa ông Đặng Ngọc P vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông P.

- Về con chung: Giao con chung Đặng Ngọc K, sinh ngày 22.10.2008; Đặng Ngọc Thảo T, sinh ngày 22.11.2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T, ông P đề nghị Tòa án không giải quyết về tài sản chung nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

- Về nợ chung: Bà T, ông P đều xác định vợ chồng không có nợ chung nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị T với ông Đặng Ngọc P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại quận H, thành phố Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Đặng Ngọc P đăng ký kết hôn vào 07/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q (Giấy chứng nhận kết hôn số 75). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T thì thấy: Trước đây ông P, bà T đã từng ly hôn. Sau đó ông P, bà T đăng ký kết hôn lại vào năm 2014 và chung sống với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, ông P bỏ đi không sống cùng bà T từ đó đến nay. Quá trình giải quyết vụ án bà T và ông P đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai. Bà T mong muốn được ly hôn ông P nhưng ông P không đồng ý vì cho rằng con còn nhỏ, khi nào con lớn thì mới ly hôn.

Xét thấy tình cảm vợ chồng cần phải vun đắp từ hai phía mới đảm bảo cuộc sống chung hạnh phúc, trên thực tế qua xác minh tại địa phương nơi ông P, bà T sinh sống thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông P đã trầm trọng, cả hai thừa nhận không còn yêu thương nhau, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu của bà Lê Thị T về việc giao 02 con cho bà nuôi dưỡng, ông P không cấp dưỡng nuôi con thì thấy: Hiện nay bà T đang nuôi 02 con Đặng Ngọc K, sinh ngày 22.10.2008; Đặng Ngọc Thảo T, sinh ngày 22.11.2015, ông P bỏ đi sống nơi khác. Tại biên bản lấy ý kiến của 02 con Đặng Ngọc K và Đặng Ngọc Thảo T ngày 08.12.2023, hai cháu K và T có nguyện vọng được ở cùng bà T. Để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt, tránh xáo trộn cuộc sống cũng như môi trường học tập của 02 cháu K và T, đồng thời phù hợp với hoàn cảnh thực tế, cần tiếp tục giao 02 con Đặng Ngọc K, sinh ngày 22.10.2008 và Đặng Ngọc Thảo T, sinh ngày 22.11.2015 cho bà Lê Thị T nuôi dưỡng là phù hợp, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” đối với ông Đặng Ngọc P.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Đặng Ngọc P.
2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Đặng Ngọc K, sinh ngày 22.10.2008 và Đặng Ngọc Thảo T, sinh ngày 22.11.2015 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Đặng Ngọc P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên thực hiện theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà Lê Thị T và ông Đặng Ngọc P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị T và ông Đặng Ngọc P xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình 300.000 đồng bà Lê Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001352 ngày 24 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q Hải Châu;
- Cơ quan THADS Q. Hải Châu;
- UBND xã Điện Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu